



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 244 /TBHH-TCTBĐATHHMN

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 25 tháng 9 năm 2024

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về thông số kỹ thuật độ sâu của luồng hàng hải Quy Nhơn



BDH - 06 - 2024

Vùng biển: tỉnh Bình Định.

Tên luồng: luồng hàng hải Quy Nhơn.

Căn cứ bình đồ đo sâu ký hiệu từ QN_2409_01 đến QN_2409_02, tỷ lệ 1/5000 đo đạc hoàn thành tháng 9/2024, các số liệu liên quan do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam cung cấp.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải Quy Nhơn như sau:

1. Trong phạm vi đáy luồng hàng hải từ phao báo hiệu hàng hải (BHHH) số "0" đến hết vũng quay tàu, chiều rộng 110 m, chiều dài 6,3 km, được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống BHHH, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 Hải đồ":

- Brun GA
- P.15, K&A
10/10/24

- Đoạn luồng từ phao BHHH số "0" đến cặp phao BHHH số "3", "4" – 450 m, có chiều dài khoảng 1,5 km, độ sâu đạt 10,1 m.

- Đoạn luồng từ cặp phao BHHH số "3", "4" – 450 m đến cặp phao BHHH số "7", "8" + 60 m, có chiều dài khoảng 2,4 km, độ sâu đạt 9,1 m.

- Đoạn luồng từ cặp phao BHHH số "7", "8" + 60 m đến phao BHHH số "15" có chiều dài khoảng 2,0 km, độ sâu đạt 10,4 m nằm sát biên trái luồng.

CAW

- Đoạn luồng từ phao BHHH số "15" đến hết vũng quay tàu, có chiều dài khoảng 0,4 km, độ sâu đạt 7,6 m nằm sát biên trái luồng, độ sâu tại tim luồng đạt 10,5 m.

2. Trong phạm vi khảo sát vũng quay trở tàu được giới hạn bởi đường tròn đường kính 300 m, tâm tại vị trí có tọa độ:

Tâm vũng quay trở tàu	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
"O"	13°46'44,7"N	109°14'52,0"E	13°46'41,0"N	109°14'58,5"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 Hải đồ" đạt 7,6 m.

3. Trong phạm vi khảo sát luồng vào khu neo đậu Đầm Thị Nại: Nối tiếp từ thượng lưu vũng quay tàu (tại khu nước phía trước Cầu cảng số 4 - Bến cảng

Quy Nhơn) vào đến hết phạm vi khu neo đậu Đầm Thị Nại (tại khu vực hòn Tháp), trong đó đoạn luồng từ thượng lưu cầu cảng số 1 – Bến cảng Quy Nhơn đến khu hòn Tháp được sử dụng chung với khu nước bố trí các điểm neo đậu tàu và được phân định thành 02 lối ra vào nằm đối xứng 02 bên trục các điểm neo đậu có chiều dài 2,6 km, chiều rộng luồng 80 m, tuyến luồng tận dụng độ sâu tự nhiên có tọa độ tìm tuyến xác định theo bảng sau:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
1. Tuyến luồng phía bên trái khu neo đậu				
TN1	13°46'53,8" N	109°14'47,2" E	13°46'50,0" N	109°14'53,8" E
TN2	13°47'10,0" N	109°14'21,4" E	13°47'06,3" N	109°14'27,9" E
TN3	13°47'18,7" N	109°14'14,2" E	13°47'15,0" N	109°14'20,7" E
TN4	13°47'26,7" N	109°14'10,4" E	13°47'23,0" N	109°14'16,9" E
TN5	13°47'37,4" N	109°14'06,8" E	13°47'33,7" N	109°14'13,3" E
TN6	13°47'46,6" N	109°14'06,3" E	13°47'42,9" N	109°14'12,8" E
TN7	13°47'48,9" N	109°14'08,6" E	13°47'45,2" N	109°14'15,1" E
2. Tuyến luồng phía bên phải khu neo đậu				
TN8	13°47'46,6" N	109°14'10,9" E	13°47'42,9" N	109°14'17,4" E
TN9	13°47'38,1" N	109°14'11,5" E	13°47'34,4" N	109°14'18,0" E
TN10	13°47'28,4" N	109°14'14,7" E	13°47'24,7" N	109°14'21,2" E
TN11	13°47'21,0" N	109°14'18,3" E	13°47'17,3" N	109°14'24,8" E
TN12	13°47'13,6" N	109°14'23,7" E	13°47'09,9" N	109°14'30,2" E
TN13	13°47'03,3" N	109°14'32,1" E	13°46'59,6" N	109°14'38,6" E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 Hải đồ" đạt 2,9 m.

Lưu ý: Các đăng, đáy cá di động xuất hiện rải rác trên đoạn luồng từ phao BHHH số "17" đến khu vực Hòn Tháp.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Các phương tiện hành hải trên tuyến luồng hàng hải Quy Nhơn căn cứ thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu và hệ thống BHHH dẫn luồng để có biện pháp hành hải an toàn. Lưu ý các đăng, đáy cá di động và tuân thủ sự điều động của Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn. /.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Nam;
- CN Cty TNHH MTV HTHH miền Nam - Hoa tiêu VII;
- Cty TNHH MTV Thông tin điện tử Hàng hải VN;
- Lãnh đạo Tổng công ty BDATHH miền Nam;
- Website www.vms-south.vn;
- Phòng KTKH, KT;
- Lưu VT, P. ATHH.

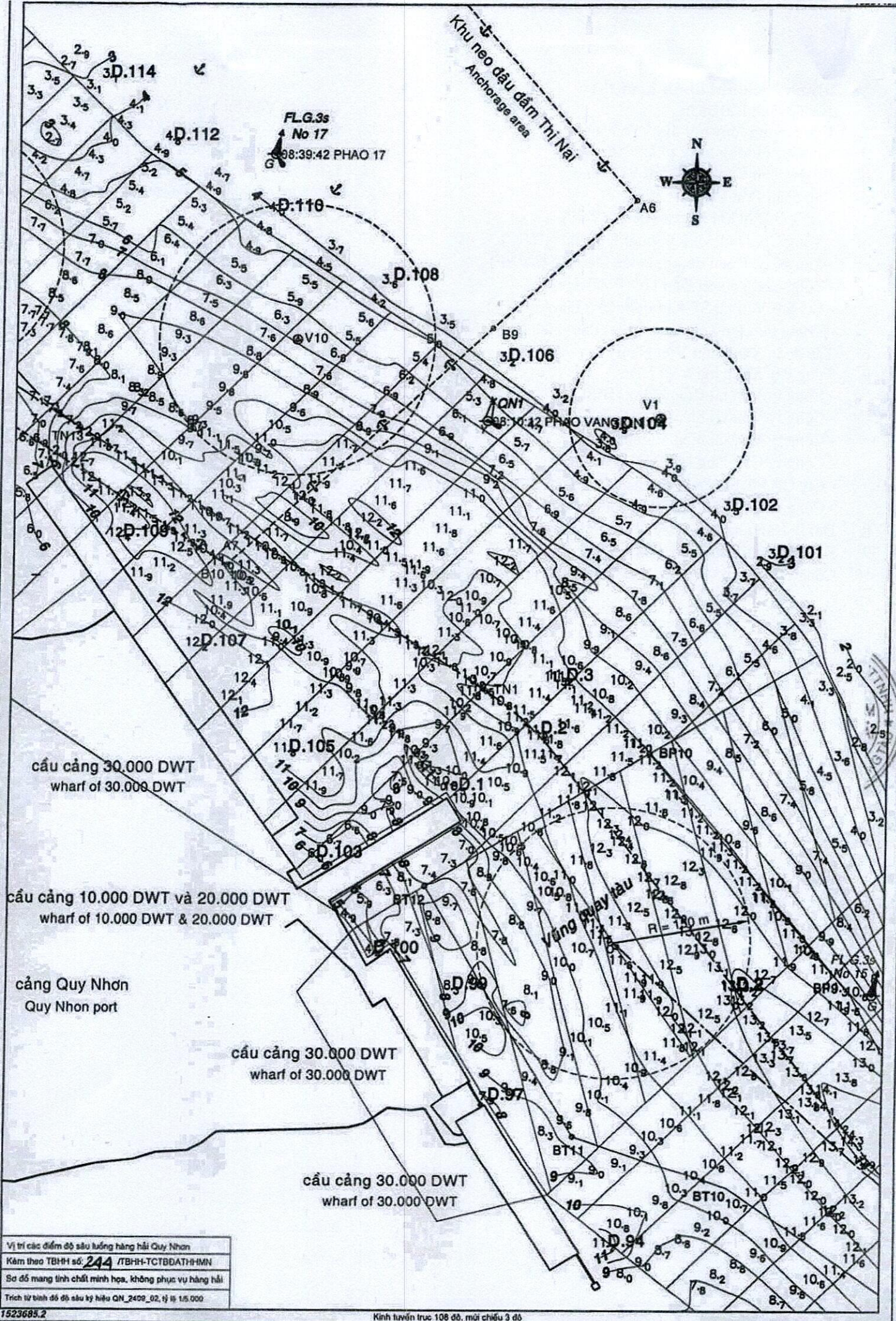
**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Tuấn Anh

Danh sách nơi nhận kèm theo

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 3 Chi Cục Đường sông phía Nam
- 4 Bộ Tư lệnh Cảnh sát Biển Việt Nam
- 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - XNLD Dầu khí Vietsovpetro (VSP)
 - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans)
 - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu miền Nam (NASOS)
- 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 7 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam
 - Công ty Vận tải Biển Đông (BISCO)
 - Công ty Vận tải biển container Vinalines (VCSC)
 - Công ty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Công ty CP Hàng hải Đông Đô (DONG DO MARINE)
 - Cty CP VT biển & Hợp tác LĐ Q tế (INLACO SAIGON)
 - Công ty CP Hàng hải Vinalines Nha Trang
- 8 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn)
- 9 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh
- 10 Công ty Vận tải và Thuê tàu biển VN (VITRANSCHART)
- 11 Công ty Vận tải biển VN (VOSCO)
- 12 Công ty Vận tải biển III (VINASHIP)
- 13 Đài thông tin Duyên hải Tp.Hồ Chí Minh
- 14 Đài Thông tin Duyên hải Quy Nhơn
- 15 Cty Vận tải xăng dầu đường biển
- 16 Cty Vận tải Biển Bắc
- 17 Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I
- 18 Cty Vận tải biển Sài Gòn
- 19 Trường Cao đẳng Hàng hải II
- 20 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 21 Cảng Sài Gòn
- 22 XN Tàu dịch vụ dầu khí
- 23 Chi nhánh 1 – Công ty Cổ phần Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
- 24 Công ty Phương Nam - Bộ Quốc phòng
- 25 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam
- 26 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Nam Trung Bộ
- 27 Sở GTVT tỉnh Bình Định
- 28 Sở NN&PTNT tỉnh Bình Định
- 29 Bộ đội biên phòng cửa khẩu tỉnh Bình Định





BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 250/TBHH-TCTBĐATHHMN

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 27 tháng 9 năm 2024

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Thông số kỹ thuật khu nước trước bến, vùng quay tàu, khu nước ra luồng cầu cảng 30.000 DWT giảm tải và cầu cảng 5.000 DWT - Bến cảng Thị Nại

BDH - 07 - 2024

Vùng biển: Tỉnh Bình Định

Tên luồng: Luồng hàng hải Quy Nhơn

Căn cứ Đơn đề nghị số 111/ĐN-CTN ngày 24/9/2024 của Công ty Cổ phần Cảng Thị Nại về việc đề nghị công bố thông báo hàng hải thông số kỹ thuật khu nước trước bến, vùng quay tàu, khu nước ra luồng cầu cảng 30.000 DWT giảm tải và cầu cảng 5.000 DWT - Bến cảng Thị Nại.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật khu nước trước bến, vùng quay tàu, khu nước ra luồng cầu cảng 30.000 DWT giảm tải và cầu cảng 5.000 DWT - Bến cảng Thị Nại như sau:

1. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước bến 30.000 DWT (khu 01) được giới hạn bởi các điểm:

Tên Điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	13°46'27,0"N	109°14'52,9"E	13°46'23,3"N	109°14'59,3"E
A2	13°46'28,1"N	109°14'54,5"E	13°46'24,4"N	109°15'01,0"E
A1'	13°46'25,7"N	109°14'53,8"E	13°46'22,0"N	109°15'00,3"E
A2'	13°46'26,8"N	109°14'55,4"E	13°46'23,0"N	109°15'01,9"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 6,2 m.

2. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước bến 30.000 DWT (khu 02) được giới hạn bởi các điểm:

Tên Điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1'	13°46'25,7"N	109°14'53,8"E	13°46'22,0"N	109°15'00,3"E
A2'	13°46'26,8"N	109°14'55,4"E	13°46'23,0"N	109°15'01,9"E

A12	13°46'23,3"N	109°14'57,8"E	13°46'19,6"N	109°15'04,2"E
A10	13°46'22,3"N	109°14'56,1"E	13°46'18,5"N	109°15'02,6"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 6,6 m.

3. Trong phạm vi khảo sát khu nước ra luồng bến 30.000 DWT được giới hạn bởi các điểm:

Tên Điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A2	13°46'28,1"N	109°14'54,5"E	13°46'24,4"N	109°15'01,0"E
A3	13°46'32,3"N	109°15'01,0"E	13°46'28,6"N	109°15'07,5"E
A4	13°46'30,9"N	109°15'03,0"E	13°46'27,2"N	109°15'09,5"E
A5	13°46'27,9"N	109°15'04,7"E	13°46'24,1"N	109°15'11,2"E
A12	13°46'23,3"N	109°14'57,8"E	13°46'19,6"N	109°15'04,2"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 6,5 m.

4. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước bến 5.000 DWT được giới hạn bởi các điểm:

Tên Điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A8	13°46'19,0"N	109°14'59,9"E	13°46'15,2"N	109°15'06,4"E
A9	13°46'18,9"N	109°14'58,4"E	13°46'15,2"N	109°15'04,9"E
A10	13°46'22,3"N	109°14'56,1"E	13°46'18,5"N	109°15'02,6"E
A11	13°46'23,0"N	109°14'57,2"E	13°46'19,3"N	109°15'03,7"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 7,4 m.

5. Trong phạm vi khảo sát khu nước ra luồng bến 5.000 DWT được giới hạn bởi các điểm:

Tên Điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A5	13°46'27,9"N	109°15'04,7"E	13°46'24,1"N	109°15'11,2"E
A6	13°46'25,1"N	109°15'06,2"E	13°46'21,4"N	109°15'12,7"E

A7	13°46'19,5"N	109°15'08,1"E	13°46'15,8"N	109°15'14,5"E
A8	13°46'19,0"N	109°14'59,9"E	13°46'15,2"N	109°15'06,4"E
A11	13°46'23,0"N	109°14'57,2"E	13°46'19,3"N	109°15'03,7"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 6,8 m.

6. Trong phạm vi khảo sát vùng quay tàu đường kính 210 m, tâm O tại vị trí có tọa độ:

Tên Điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
O	13°46'26,2"N	109°14'57,5"E	13°46'22,5"N	109°15'04,0"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 6,5 m.

Để biết thêm thông tin chi tiết đề nghị liên hệ trực tiếp với Công ty Cổ phần Cảng Thị Nại ⁽¹⁾.

Ghi chú: Số liệu độ sâu căn cứ bình đồ ký hiệu CTN_2409 tỷ lệ 1/1000 do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam đo đạc hoàn thành tháng 9 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải miền Nam;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu HHMN – Hoa tiêu VII;
- Cty TNHH MTV Thông tin điện tử Hàng hải VN;
- Lãnh đạo Tổng công ty BDATHH miền Nam;
- Website www.vms-south.vn;
- Phòng KTKH, KT;
- Lưu VT, P. ATHH_{Dat}.

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

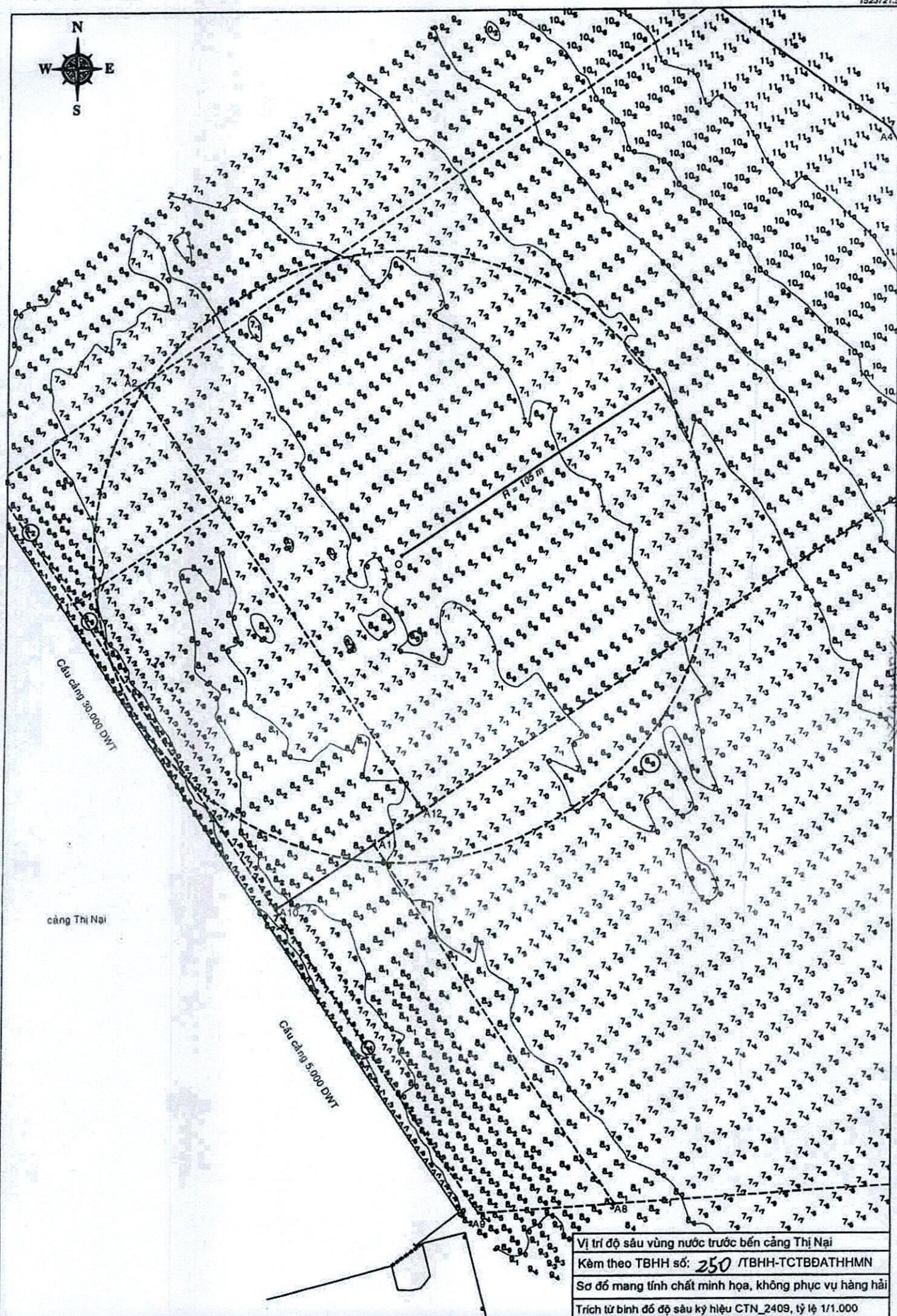


Phạm Tuấn Anh

(1) Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin mình cung cấp theo khoản 3, điều 47, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

Danh sách nơi nhận kèm theo:

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Bộ Tư lệnh Cảnh sát Biển
- 3 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 4 Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực III
- 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - XNLD Dầu khí Vietsovetro (VSP)
 - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans)
 - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu miền Nam (NASOS)
- 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 7 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam
 - Công ty Vận tải Biển Đông (BISCO)
 - Công ty Vận tải biển container Vinalines (VCSC)
 - Công ty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Công ty CP Hàng hải Đông Đô (DONG DO MARINE)
 - Cty CP VT biển & Hợp tác LĐ Q tế (INLACO SAIGON)
 - Công ty CP Hàng hải Vinalines Nha Trang
- 8 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn)
- 9 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh
- 10 Công ty Vận tải và Thuê tàu biển VN (VITRANSCHART)
- 11 Công ty Vận tải biển VN (VOSCO)
- 12 Công ty Vận tải biển III (VINASHIP)
- 13 Cty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu (VUNGTAU SHIP)
- 14 Đài thông tin Duyên hải Tp.Hồ Chí Minh
- 15 Đài Thông tin Duyên hải Quy Nhơn
- 16 Cty Vận tải xăng dầu đường biển
- 17 Cty Vận tải Thủy Bắc
- 18 Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I
- 19 Cty Vận tải biển Sài Gòn
- 20 Trường Cao đẳng Hàng hải II
- 21 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 22 Cảng Sài Gòn
- 23 XN Tàu dịch vụ dầu khí
CN 1- Cty CP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
- 24 Công ty Phương Nam - Bộ Quốc phòng
- 25 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam
- 26 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Nam Trung Bộ
- 27 Sở GTVT tỉnh Bình Định
- 28 Sở NN&PTNT tỉnh Bình Định
- 29 Bộ đội biên phòng cửa khẩu tỉnh Bình Định
- 30 Công ty Cổ phần Cảng Thị Nại



Vị trí độ sâu vùng nước trước bến cảng Thị Nai
Kèm theo TBHH số: 250 /TBHH-TCTĐATHHMM
Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
Trích từ bình đồ độ sâu ký hiệu CTN_2409, tỷ lệ 1/1.000